

Phụ lục I

**CẬP NHẬT CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 26/NQ-CP NGÀY 27/2/2023 VỀ
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW
NGÀY 16/6/2022 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA XIII) VỀ NÔNG
NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**

(Kèm theo Kế hoạch số _____/KH-UBND ngày ____ / ____ / 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Ghi chú
			Đạt được năm 2025	Đến năm 2030	
1	Tốc độ tăng GDP ngành nông nghiệp	%	3,35	4,0 - 4,3	
2	Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp	%/năm	9,8	10,2	
3	Diện tích rừng có chứng chỉ bền vững	ha	23.331,12	30.000	
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	45,72	46,51	
5	Diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển	ha		6.500	
6	Tỷ lệ giá trị sản phẩm NLTS được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết	%	30	35	
7	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	53,9	40	
8	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	người/năm	6.574	31.121	
9	Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo	%	38,6	≥ 70	
10	Thu nhập của người dân nông thôn so với năm 2020	Lần	2,5	3,0	
11	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	38,6	≥ 67,5	
12	Tốc độ tăng trưởng công nghiệp nông thôn	%		≥15	
13	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới; trong đó:	%	42,7	65	
	Số xã được công nhận nông thôn mới hiện đại	%	6,4	10	
14	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn	%/năm	3,17	1,29	
15	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định	%	60	80	